

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30/2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2023

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP
ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về
kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới (sau đây viết tắt là Nghị định số 139/2018/NĐ-CP)

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là xe cơ giới); quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7 và bổ sung khoản 10 Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Kiểm định xe cơ giới (sau đây gọi tắt là kiểm định) là việc kiểm tra lần đầu và định kỳ về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận kiểm

định) là chứng chỉ xác nhận xe cơ giới đã được kiểm định và đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (sau đây gọi tắt là đơn vị đăng kiểm) là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật, cung cấp dịch vụ công thực hiện công tác kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

“5. Đăng kiểm viên là người được tập huấn, cấp chứng chỉ đăng kiểm viên để thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công đoạn kiểm tra phương tiện và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện. Đăng kiểm viên gồm hai hạng: Đăng kiểm viên xe cơ giới và đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.”.

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 3 như sau:

“6. Nhân viên nghiệp vụ là người thực hiện công việc nhận, trả, lưu trữ hồ sơ, nhập dữ liệu, tra cứu, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ xe cơ giới vào kiểm định, in kết quả kiểm định và thực hiện các nghiệp vụ văn phòng khác theo sự phân công của đơn vị đăng kiểm.”.

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 3 như sau:

“7. Phụ trách bộ phận kiểm định là đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao, chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định tại đây chuyển được giao phụ trách.”.

g) Bổ sung khoản 10 Điều 3 như sau:

“10. Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm là pháp nhân được thành lập và hoạt động theo quy định pháp luật.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Nguyên tắc hoạt động dịch vụ kiểm định xe cơ giới

1. Chỉ tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới mới được phép hoạt động kiểm định xe cơ giới.

2. Hoạt động kiểm định phải bảo đảm tính độc lập, khách quan, minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp hệ thống các đơn vị đăng kiểm không đáp ứng được nhu cầu kiểm định của tổ chức và cá nhân thì cho phép huy động đơn vị đăng kiểm và nhân lực của lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân tham gia hỗ trợ kiểm định xe cơ giới thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

4. Việc xây dựng, thành lập đơn vị đăng kiểm phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành và các quy hoạch khác có liên quan, trong đó có xét đến các yếu tố đặc thù của các địa phương, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải

đảo; phù hợp với số lượng, mật độ phương tiện được đăng ký trên địa bàn; khuyến khích ứng dụng công nghệ, thiết bị kiểm định hiện đại.

5. Vị trí xây dựng đơn vị đăng kiểm phải tuân thủ quy định về đầu nối, kết nối hệ thống giao thông; thuận tiện cho xe cơ giới ra vào kiểm định; bảo đảm an toàn, thuận lợi trong quá trình hoạt động, không gây cản trở và ùn tắc giao thông, đặc biệt là tại các đô thị lớn.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Điều kiện chung

Tổ chức đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm do Bộ Giao thông vận tải ban hành được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.”.

5. Sửa đổi tên Điều 6 như sau:

“Điều 6. Điều kiện về cơ sở vật chất”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Điều kiện về cơ cấu tổ chức, nhân lực

1. Cơ cấu tổ chức của đơn vị đăng kiểm phải có tối thiểu các bộ phận sau:

a) Bộ phận lãnh đạo: Gồm Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc phụ trách đơn vị đăng kiểm để tổ chức quản lý, điều hành đơn vị đăng kiểm; trong đó có tối thiểu 01 lãnh đạo đơn vị đủ điều kiện ký giấy chứng nhận kiểm định được quy định tại Điều 24 Nghị định này;

b) Bộ phận kiểm định: Gồm phụ trách bộ phận kiểm định, đăng kiểm viên để thực hiện kiểm tra, đánh giá tình trạng kỹ thuật của phương tiện;

c) Bộ phận văn phòng: Gồm nhân viên nghiệp vụ và các nhân viên khác để thực hiện các công việc văn phòng, hỗ trợ hoạt động kiểm định.

2. Nhân lực của đơn vị đăng kiểm gồm:

a) Có tối thiểu 01 lãnh đạo có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định này;

b) Có tối thiểu 01 phụ trách bộ phận kiểm định;

c) Dây chuyền kiểm định phải có tối thiểu 02 đăng kiểm viên bảo đảm thực hiện đủ các công đoạn kiểm định. Các nhân sự quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tham gia kiểm định tại các dây chuyền kiểm định và được tính là đăng kiểm viên trên dây chuyền kiểm định;

d) Có nhân viên nghiệp vụ để thực hiện các công việc được quy định tại khoản 6 Điều 3 của Nghị định này.”.

7. Sửa đổi tên Chương III như sau:

**“Chương III
CẤP, CẤP LẠI, TẠM ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG, THU HỒI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI”**

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Thủ tục, trình tự cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Sau khi hoàn thành việc đầu tư, xây dựng theo quy định của pháp luật, tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới gửi về Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông - Xây dựng (sau đây gọi chung là Sở Giao thông vận tải) gồm có:

a) Văn bản đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách trích ngang nhân lực của đơn vị kèm theo các hồ sơ sau: Quyết định bổ nhiệm lãnh đạo đơn vị đăng kiểm; quyết định bổ nhiệm đối với phụ trách bộ phận kiểm định; bản sao được chứng thực hợp đồng lao động theo quy định, quyết định tuyển dụng hoặc tiếp nhận đối với đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ và các văn bằng, chứng chỉ được chứng thực của từng cá nhân;

c) Bản đối chiếu các quy định về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

d) Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể và mặt bằng nhà xưởng có bố trí dây chuyền và thiết bị kiểm tra;

đ) Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền của địa phương (bản sao có chứng thực hoặc bản chính để đối chiếu).

2. Trình tự, cách thức thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, nếu hồ sơ đầy đủ và phù hợp theo quy định, Sở Giao thông vận tải thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm về thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế đơn vị đăng kiểm. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không phù hợp theo quy định, Sở Giao thông vận tải phải thông báo cho tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế. Kết quả đánh giá được lập thành Biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này với

mã số đơn vị đăng kiểm quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.

3. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến. Thành phần hồ sơ đối với từng hình thức tiếp nhận phải phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Thủ tục, trình tự cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Việc cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới do bị thu hồi được thực hiện như cấp lần đầu theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

2. Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng thì đơn vị đăng kiểm gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đến Sở Giao thông vận tải. Sở Giao thông vận tải căn cứ hồ sơ lưu đề cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (trong đó có ghi chú giấy chứng nhận này thay thế cho giấy chứng nhận đã cấp bị mất, hỏng).

3. Trường hợp đơn vị đăng kiểm xe cơ giới có sự thay đổi về vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định khác với hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã được cấp hoặc thay đổi về thiết bị kiểm tra làm ảnh hưởng đến số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động thì phải thông báo cho Sở Giao thông vận tải (kèm theo bản đối chiếu các quy định về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia). Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra, đánh giá nội dung thay đổi. Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày làm việc để đơn vị đăng kiểm khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Đơn vị đăng kiểm bị tạm đình chỉ 01 tháng nếu vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Không bảo đảm một trong các điều kiện, yêu cầu, quy định tại Nghị định này và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm;

b) Có 02 lượt đăng kiểm viên bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt trong thời gian 12 tháng liên tục;

c) Phân công đăng kiểm viên kiểm định không phù hợp nội dung chứng chỉ đăng kiểm viên.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Đơn vị đăng kiểm bị tạm đình chỉ 03 tháng nếu vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Thực hiện kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới không đúng quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

b) Có từ 03 lượt đăng kiểm viên trở lên bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP hoặc từ 02 đăng kiểm viên trở lên bị thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên trong thời gian 12 tháng liên tục, trừ trường hợp bị thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định này;

c) Đưa ra các yêu cầu hoặc ban hành các thủ tục không có trong quy định do Bộ Giao thông vận tải ban hành về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân; từ chối cung cấp dịch vụ kiểm định xe cơ giới trái quy định của pháp luật;

d) Tiếp tục vi phạm một trong các trường hợp vi phạm tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định này trong thời gian 12 tháng liên tục.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và bổ sung khoản 6 Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 như sau:

“1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm hoặc nhận được thông báo vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định tạm đình chỉ hoạt động đơn vị đăng kiểm, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới và thông báo đến Cục Đăng kiểm Việt Nam, các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Đơn vị đăng kiểm phải nộp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới cho Sở Giao thông vận tải đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận, đồng thời dừng hoạt động kiểm định xe cơ giới ngay sau khi quyết định có hiệu lực.”.

c) Bổ sung khoản 6 Điều 12 như sau:

“6. Đơn vị đăng kiểm phải thực hiện việc khắc phục các vi phạm nêu trong quyết định tạm đình chỉ và chỉ được hoạt động trở lại khi đã hoàn thành việc khắc phục vi phạm, đồng thời thông báo về tình hình hoạt động của đơn vị đến Sở Giao thông vận tải và Cục Đăng kiểm Việt Nam.”.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 13 như sau:

“c) Chuyển toàn bộ hồ sơ của xe cơ giới do đơn vị quản lý đến đơn vị đăng kiểm khác theo hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải.”.

13. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 1 Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 14 như sau:

“a) Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành đào tạo Kỹ thuật cơ khí, trong chương trình đào tạo đại học có các nội dung sau: Lý thuyết ô tô, Cấu tạo ô tô, Kết cấu tính toán ô tô, Bảo dưỡng kỹ thuật ô tô, Động cơ đốt trong và Điện ô tô hoặc các nội dung tương đương. Trường hợp không đầy đủ các nội dung trên, có thể được đào tạo bổ sung tại các cơ sở giáo dục đại học;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 14 như sau:

“b) Có tối thiểu 12 tháng thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên theo nội dung do Bộ Giao thông vận tải quy định. Trường hợp học viên đã có kinh nghiệm trực tiếp thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa ô tô tại các cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô cho các doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu ô tô theo quy định tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô, có tổng thời gian làm việc cộng dồn từ 12 tháng đến 24 tháng thì thời gian thực tập là 06 tháng, trên 24 tháng thì thời gian thực tập là 03 tháng (Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô căn cứ hợp đồng làm việc với học viên và hồ sơ bảo hiểm xã hội để xác nhận và chịu trách nhiệm về thời gian làm việc của học viên tại cơ sở).”.

14. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 15 như sau:

“d) Văn bản xác nhận thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên của đơn vị đăng kiểm; văn bản xác nhận của cơ sở bảo hành, bảo dưỡng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định này nếu có;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 15 như sau:

“d) Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến. Thành phần hồ sơ đối với từng hình thức tiếp nhận phải phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Trong thời hạn 30 ngày trước khi chứng chỉ đăng kiểm viên hết hiệu lực, đơn vị đăng kiểm, đăng kiểm viên gửi đề nghị cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên (kèm theo ảnh màu cỡ 4 cm x 6 cm, chụp kiểu thẻ căn cước, trong thời gian không quá 06 tháng) về Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo kế hoạch về thời gian, địa điểm thực hiện đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên tại đơn vị đăng kiểm. Thời gian thực hiện đánh giá không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày đánh giá, nếu đạt yêu cầu thì cấp chứng chỉ đăng kiểm viên, nếu không đạt thì ghi rõ nguyên nhân không đạt vào biên bản đánh giá đăng kiểm viên; đơn vị đăng kiểm, đăng kiểm viên được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá lại sau 01 tháng kể từ ngày đánh giá không đạt.”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, khoản 4, khoản 6 và bổ sung khoản 8 Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Làm sai lệch kết quả kiểm định hoặc không tuân thủ đúng quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các hướng dẫn có liên quan đến công tác kiểm định đến mức gây hậu quả nghiêm trọng liên quan đến an toàn phương tiện.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Đã bị xử lý vi phạm 02 lần trong thời gian 12 tháng liên tục đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

“4. Bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án do vi phạm các quy định liên quan đến lĩnh vực kiểm định xe cơ giới.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 18 như sau:

“6. Không trực tiếp thực hiện công tác kiểm định hoặc hướng dẫn, đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên từ đủ 12 tháng liên tục trở lên.”.

đ) Bổ sung khoản 8 Điều 18 như sau:

“8. Đưa ra các yêu cầu không có trong quy định của Bộ Giao thông vận tải về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân.”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Trình tự thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm hoặc nhận được thông báo vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền, Cục Đăng kiểm Việt Nam

ban hành quyết định thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên, thông báo đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Đăng kiểm viên phải nộp lại chứng chỉ đăng kiểm viên cho Cục Đăng kiểm Việt Nam, đồng thời dừng việc tham gia kiểm định xe cơ giới tại đơn vị đăng kiểm ngay sau khi quyết định có hiệu lực.

3. Đăng kiểm viên bị thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên chỉ được đánh giá để cấp lại chứng chỉ đăng kiểm viên sau 36 tháng kể từ ngày thu hồi. Trường hợp bị thu hồi theo quy định tại khoản 6 Điều 18 của Nghị định này thì được đánh giá lại để cấp chứng chỉ đăng kiểm viên khi có đề nghị.”.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Nhân viên nghiệp vụ

1. Trình độ chuyên môn tối thiểu tốt nghiệp trung cấp.

2. Được tập huấn nghiệp vụ kiểm định theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Điều kiện đối với lãnh đạo đơn vị đăng kiểm được phân công ký giấy chứng nhận kiểm định

1. Được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm định xe cơ giới tại đơn vị.

2. Phải là đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao hoặc đăng kiểm viên đã thực hiện nhiệm vụ của đăng kiểm viên tối thiểu 36 tháng.”.

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25 như sau:

“2. Duy trì điều kiện cơ sở vật chất, cơ cấu tổ chức, nhân lực theo quy định tại Nghị định này; bảo đảm các thiết bị, dụng cụ kiểm tra phải hoạt động bình thường; tuân thủ việc kiểm tra, hiệu chuẩn thiết bị, dụng cụ kiểm tra theo quy định của pháp luật về đo lường. Trong quá trình kiểm định, đơn vị đăng kiểm phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy.”.

21. Bổ sung khoản 7 Điều 25 như sau:

“7. Quản lý, cấp phát các loại ấn chỉ, chứng chỉ kiểm định đúng quy định.”.

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

a) Thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động kiểm định xe cơ giới và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này;

b) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thực hiện Nghị định này;

c) Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm xe cơ giới;

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 4 của Nghị định này;

e) Chủ trì xây dựng và thống nhất với Bộ Tài chính trước khi ban hành quy định giá dịch vụ kiểm định xe cơ giới theo quy định của pháp luật về giá.

2. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định giá dịch vụ kiểm định xe cơ giới theo quy định của pháp luật về giá.

3. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền về đo lường đối với phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định xe cơ giới;

b) Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đối với phương tiện đo sử dụng trong hoạt động kiểm định xe cơ giới theo quy định của pháp luật về đo lường.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này;

b) Chỉ đạo Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng của địa phương thực hiện việc quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới trên địa bàn; kiểm soát chặt chẽ việc thành lập các đơn vị đăng kiểm bảo đảm đúng quy định của pháp luật và Nghị định này.

5. Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

a) Tổ chức kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới trên phạm vi cả nước; xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với các vi phạm;

b) Xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng thống nhất chương trình phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu kiểm định, truyền số liệu, quản lý dữ liệu xe cơ giới kiểm định và cơ sở dữ liệu đăng kiểm viên trên cả nước; kết nối, chia sẻ dữ liệu xe cơ giới kiểm định với các cơ quan chức năng để phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước; tổ chức việc cảnh báo trên Chương trình Quản lý kiểm định đối với các phương tiện vi phạm theo đề nghị của cơ quan chức năng;

c) Biên soạn tài liệu, tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ theo đề nghị của đơn vị đăng kiểm xe cơ giới, tổ chức, cá nhân có nhu cầu; phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, cập nhật bổ sung nghiệp

vụ đăng kiểm; hướng dẫn Sở Giao thông vận tải về nghiệp vụ quản lý, kiểm định xe cơ giới;

d) Công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam danh sách các đơn vị đăng kiểm được cấp, tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới; danh sách đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ;

đ) Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 8, Điều 9 của Nghị định này khi Sở Giao thông vận tải chưa thực hiện được và có văn bản đề nghị;

e) Bàn giao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới (bản sao có xác nhận của Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc bản điện tử) cho Sở Giao thông vận tải để lưu trữ, quản lý theo thẩm quyền.

6. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

a) Tổ chức quản lý hoạt động kiểm định xe cơ giới; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới tại Nghị định này và các quy định của pháp luật liên quan khác trên địa bàn;

b) Thực hiện cấp, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới; kiểm tra, đánh giá việc duy trì các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và hoạt động kiểm định;

c) Thông báo (bằng văn bản hoặc thông qua chương trình phần mềm) kết quả thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b điều này đến Cục Đăng kiểm Việt Nam;

d) Công bố trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải danh sách các đơn vị đăng kiểm được cấp, tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới; danh sách đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải.

7. Trách nhiệm của tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm

a) Chịu trách nhiệm về sự hợp pháp của hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

b) Thông báo đến Sở Giao thông vận tải trước khi triển khai xây dựng đơn vị đăng kiểm;

c) Nghiêm cấm việc can thiệp vào công tác kiểm định xe cơ giới của đơn vị đăng kiểm trực thuộc để làm trái các quy định của pháp luật;

d) Liên đới chịu trách nhiệm trong trường hợp đơn vị đăng kiểm vi phạm các quy định của Nghị định này và pháp luật liên quan.

8. Trách nhiệm của đơn vị đăng kiểm

a) Tuân thủ các điều kiện quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan về các điều kiện kinh doanh và hoạt động kiểm định xe cơ giới; bảo đảm các phương tiện đo phải hoạt động bình thường; tuân thủ việc kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo theo quy định của pháp luật về đo lường;

b) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác đánh giá tình trạng kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới;

c) Bảo đảm thời gian hoạt động kiểm định bình thường tối thiểu 08 giờ/ngày và 05 ngày/tuần; thông báo công khai thời gian kiểm định tại trụ sở đơn vị đăng kiểm;

d) Bàn giao đầy đủ hồ sơ lưu trữ liên quan đến xe cơ giới theo hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải khi giải thể đơn vị đăng kiểm hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

đ) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới;

e) Cử đăng kiểm viên đủ tiêu chuẩn tham gia tập huấn cập nhật, bổ sung nghiệp vụ kiểm định xe cơ giới khi có sự thay đổi về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật có liên quan và tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác kiểm định xe cơ giới;

g) Quản lý, giám sát hoạt động kiểm định tại đơn vị, chịu trách nhiệm toàn diện khi để xảy ra vi phạm, tiêu cực tại đơn vị đăng kiểm;

h) Đối với trường hợp thay đổi về đăng kiểm viên làm ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị đăng kiểm thì phải thông báo đến Sở Giao thông vận tải và Cục Đăng kiểm Việt Nam;

i) Chưa thực hiện kiểm định đối với các trường hợp không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ; các trường hợp quá thời hạn hạn đến giải quyết vụ việc vi phạm được ghi trong biên bản vi phạm hành chính hoặc văn bản thông báo của người có thẩm quyền xử phạt mà chủ phương tiện, người vi phạm không đến trụ sở của người có thẩm quyền để giải quyết, xử lý; các trường hợp bị cảnh báo trên Chương trình quản lý kiểm định. Sau khi chủ phương tiện, người vi phạm thực hiện các nghĩa vụ nêu trên thì được kiểm định theo quy định.”.

Điều 2. Bãi bỏ một số khoản, điều; thay thế cụm từ; thay thế, bổ sung một số Phụ lục của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP

1. Bãi bỏ khoản 2 Điều 2, khoản 5 Điều 11, Điều 17, Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 26.

2. Thay thế cụm từ “giấy chứng nhận đăng kiểm viên” bằng cụm từ “chứng chỉ đăng kiểm viên” tại tên điều khoản 1, tên điều khoản 2 Điều 14; khoản 1, điểm

a và điểm b khoản 2, khoản 3, tên điều Điều 15; khoản 2 và tên điều Điều 16; khoản 2 và tên điều Điều 18 của Nghị định số 139/2018/NĐ-CP và các phụ lục kèm theo; các Phụ lục III, IV và V ban hành kèm theo Nghị định số 139/2018/NĐ-CP.

3. Thay thế Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 139/2018/NĐ-CP tương ứng bằng Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Bổ sung Phụ lục VI, Phụ lục VII, Phụ lục VIII vào Nghị định số 139/2018/NĐ-CP bằng Phụ lục III, Phụ lục V và Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 6 năm 2023.

2. Điều khoản chuyển tiếp

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục có giá trị sử dụng và được áp dụng các điều kiện quy định tại Nghị định này; Giấy chứng nhận đăng kiểm viên đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục có giá trị sử dụng cho đến hết thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận;

b) Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các cá nhân đang thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên được áp dụng thời gian thực tập quy định tại điểm b khoản 13 Điều 1 Nghị định này;

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam không thực hiện cấp chứng chỉ tập huấn nhân viên nghiệp vụ kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực;

d) Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới đã nộp tại Cục Đăng kiểm Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 139/2018/NĐ-CP;

đ) Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, nếu Sở Giao thông vận tải chưa thực hiện được các nhiệm vụ quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 1 của Nghị định này thì có văn bản đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp tục thực hiện. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Sở Giao thông vận tải thực hiện việc cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo quy định tại khoản 8, khoản 9 Điều 1 của Nghị định này;

e) Các đơn vị đăng kiểm tiếp tục áp dụng theo biểu giá dịch vụ kiểm định xe cơ giới hiện hành cho đến khi ban hành biểu giá mới;

g) Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các Phó Chủ nhiệm, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2) pvc

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà